

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước  
sinh hoạt của các công trình khai thác tài nguyên nước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định về việc hành nghề khoan nước mặt, kê khai, đăng ký, cấp phép dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 114/STNMT-NBĐ&BĐKH ngày 06/01/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt cho các công trình khai thác tài nguyên nước phục vụ cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Trách nhiệm của tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành khai thác nước sinh hoạt:

1. Tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, các yêu cầu về bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

2. Lắp đặt, cắm biển chỉ dẫn, bảo vệ biển chỉ dẫn về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình của mình; bảo vệ nguồn nước mình đang trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.

Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: trong thời hạn bốn mươi hai (42) ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt được ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi UBND cấp huyện có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

2. UBND cấp huyện, UBND cấp xã (nơi có công trình khai thác tài nguyên nước) có trách nhiệm:

a. Trong thời hạn 42 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, UBND cấp huyện gửi thông báo về kế hoạch xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh trên thực địa đến UBND cấp xã, tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành công trình khai thác tài nguyên nước và các đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện việc xác định ranh giới phạm vi, vị trí đặt biển chỉ dẫn vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.

Sau khi hoàn thành việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa, UBND cấp huyện gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả hoàn thành.

b. Thực hiện xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa; thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn; tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trên địa bàn theo thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sinh sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt phải tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước mặt

theo quy định pháp luật về tài nguyên nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các chủ hộ gia đình, cá nhân có liên chiụ trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề B/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.NN (V).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ



**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT**  
**CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC**

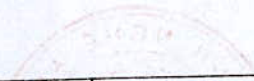
(ban hành kèm theo Quyết định số 45 /QĐ-UBND ngày 09 /01/2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý vận hành công trình	Tên công trình	Thông số của giếng				Tầng chứa nước khai thác (công trình khai thác nước dưới đất) hoặc nguồn nước khai thác (công trình khai thác nước mặt)	Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh lấy nước sinh hoạt	
			Ký hiệu giếng (đối với công trình khai thác nước dưới đất)	Vị trí giếng khai thác	Tọa độ				Công suất khai thác (m <sup>3</sup> /ngày đêm)
					X (m)	Y (m)			
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An	Trạm cấp nước Con Cuông tại thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông		Thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông	2107587	512929	1.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nước mặt từ Sông Lam	Không nhỏ hơn 1.000 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 100 m về phía hạ lưu.

2	Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An	Trạm cấp nước Thanh Chương tại thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương		Thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương	2077943	560866	1.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nước mặt từ Sông Lam	Không nhỏ hơn 800 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 200 m về phía hạ lưu
3	Công ty TNHH May Thanh Chương Matsuoka	Giếng khoan công trình khai thác nước của Công ty TNHH May Thanh Chương Matsuoka	G1	Xóm Liên Khai, xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương	2082436	554110	100 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tầng chứa nước lỗ hồng trong trầm tích Đệ tứ không phân chia (q), có áp	Không nhỏ hơn 3 m tính từ miệng giếng
			G2		2082432	554112			
4	Công ty khai thác đá vôi Yabashi Việt Nam	Giếng khoan khai thác nước của Công ty khai thác đá vôi Yabashi Việt Nam	G1	xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	2139137	539098	45 m <sup>3</sup> /ngày đêm	tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích Cacbon - Pecimi, hệ tầng Bắc Sơn (C-P <sub>bs</sub> ), có áp	Không nhỏ hơn 3 m tính từ miệng giếng
5	Công ty cổ phần Đầu tư và Chăn nuôi Nghĩa Bình	Giếng khoan khai thác nước của Công ty cổ	GK 1	xóm Kê Mui, xã Giai Xuân,	2123315	551680	400m <sup>3</sup> /ngày đêm	tầng chứa nước khe nứt trong các thành tạo	Không nhỏ hơn 3 m tính từ
			GK 2		2123222	551649			
			GK 3		2123110	551605			

		phần Đầu tư và Chăn nuôi Nghĩa Bình	GK 4	huyện Tân Kỳ	2122778	551364		cacbonat hệ tầng Bắc Sơn (c-p), có áp	miếng giếng
6	Công ty cổ phần cấp nước Cửa Lò	Công thu nước của nhà máy nước Nghi Hoa		xóm Vận Tải, xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc	2079969	591491	20.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nước mặt sông Phương Tích	Không nhỏ hơn 800 m về phía thượng lưu và không nhỏ hơn 200 m về phía hạ lưu
7	Doanh nghiệp tư nhân Xứ Nghệ	Giếng khai thác nước của Doanh nghiệp tư nhân Xứ Nghệ	G1	xóm Nam Long, xã Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn	2128734	572783	20m <sup>3</sup> /ngày đêm	tầng chứa nước khe nứt trong các trầm tích lục nguyên hệ tầng Đồng Trâu (t <sub>2</sub> ), có áp	Không nhỏ hơn 3 m tính từ miệng giếng
			G2		2128625	572796			
			G3		2128599	572791			
8	Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	Giếng khoan khai thác nước Công ty TNHH Mía đường Nghệ An	GK	Xã Nghĩa Xuân, huyện Nghĩa Đàn	2139025	559057	118 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tầng chứa nước Cacbon – Pecimi, hệ tầng Bắc Sơn (C-P), có áp	Không nhỏ hơn 3 m tính từ miệng giếng
9	Hợp tác xã Tứ Lộc	Giếng khoan khai thác nước của	G1	Núi Phá Cáng, xã	2144200	549333	30 m <sup>3</sup> /ngày đêm	Tầng chứa nước khe nứt-kart không	Không nhỏ hơn 3 m tính từ





		Hợp tác xã Tứ Lộc	G2	Châu Lộc, huyện Quỳnh Hợp	2144229	549334		liên tục trong trầm tích carbonat hệ tầng Bắc Sơn (C-P <sub>bs</sub> ), có áp	miếng giếng
--	--	----------------------	----	---------------------------------	---------	--------	--	---	----------------